TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2020/HS-ST
Ngày: 25 /9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Ngô Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Lương Thanh Văn

Ông Nguyễn Ngọc Vân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên .

Trong ngày 25/9/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 121/2020/TLST-HS ngày 12/8/2020 theo Quyết định đưa ra xét xử số 117/2020/QĐXXST-HS ngày 04/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/HSST-QĐ ngày 15/9/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Việt H**, sinh năm 1964 tại xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: thôn Q, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính; nam; Nghề nghiệp: bảo vệ; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Việt H1 và con bà Nguyễn Thị C; Có vợ: Nguyễn Thị X và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 06/01/2012, bị Công an huyện Việt Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, chấp hành xong ngày 06/01/2012; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 06/5/2020 đến ngày 12/5/2020, hiện tại ngoại (có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Thế L**, sinh năm 1990 tại xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: thôn Q, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: nam; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông Nguyễn Việt H và con bà Nguyễn Thị X; Có vợ: Nguyễn Ánh N và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 06/5/2020 đến ngày 12/5/2020, hiện tại ngoại (có mặt).

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1976 tại xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: thôn Q, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: nam; Nghề nghiệp: bảo vệ; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và con bà Nguyễn Thị T; Có vợ: Nguyễn Thị T1 và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 06/01/2012, bị Công an huyện Việt Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Bị cáo đã chấp hành xong ngày 06/01/2012; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 06/5/2020 đến ngày 12/5/2020, hiện tại ngoại (có mặt).

4. Họ và tên: Nguyễn Hữu P - sinh năm 1982 xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: thôn Q, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: nam; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Hữu T và con bà Nguyễn Thị B; Có vợ: Nguyễn Thị S và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 06/5/2020 đến ngày 12/5/2020, hiện tại ngoại (có mặt).

- Bị hại: Công ty TNHH Thương mại và Xây lắp C; Địa chỉ: Số nhà 17, ngách 64, ngõ 97, phố V, phường L, quận B, thành phố Hà Nội do ông Nguyễn Duy C- Giám đốc công ty đại diện, ủy quyền cho ông Nguyễn Duy D, sinh năm 1984, là Phó giám đốc công ty (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975 (vắng mặt)
2. Chị Nguyễn Ánh N, sinh năm 1990 (có mặt)
3. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1980 (có mặt)

Đều có địa chỉ: thôn Q, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1963 (vắng mặt)
2. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1949 (có mặt)
3. Anh Ngô Đức H, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Đều có địa chỉ: thôn Q, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 29/4/2020 đến ngày 03/5/2020, Nguyễn Việt H, sinh năm: 1964, Nguyễn Thế L, sinh năm 1990 (là con trai H) và Nguyễn Văn B, sinh năm 1976 (là bảo vệ nhà máy nước sạch ở Khu công nghiệp Q), cùng trú tại: thôn Q, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang đã cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp, chiếm đoạt 158 cây nhôm, dạng chữ U, mỗi cây dài 06 mét của Công ty TNHH Thương mại và Xây lắp C, địa chỉ: số nhà 17, ngách 64, ngõ 97, phố V, phường L, quận B, thành phố Hà Nội, đang thi công tại công ty H. Số tài sản trộm cắp được, H, L và B bán 98 cây nhôm bán cho Nguyễn Hữu P, sinh năm: 1982 ở cùng thôn, còn lại 60 cây nhôm H cất giấu tại nhà, mục đích để sử dụng. Cụ thể như sau:

*** Vụ thứ nhất:**

Nguyễn Việt H là bảo vệ tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn (gọi tắt là TNHH) Nhựa chính xác H, địa chỉ: khu công nghiệp Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Quá trình làm việc tại đây, H phát hiện thấy tại công trường xây dựng của Công ty TNHH Thương mại và Xây lắp C, đang thi công tại Công ty H có nhiều vật tư xây dựng là nhôm, dạng thanh, hình chữ U để sơ hở, không có người trông coi nên đã nói cho cho L và B biết việc này, đồng thời rủ L và B cùng thực hiện hành vi trộm cắp, L và B đồng ý.

Khoảng 17 giờ ngày 29/4/2020, H đến nhận ca làm việc tại Công ty H. Đến khoảng 01 giờ ngày 30/4/2020, H đi tuần quanh công ty, thấy xung quanh vắng người nên đã gọi điện thoại bảo B đến để thực hiện hành vi trộm cắp. Sau khi được H thông báo, B gọi điện hẹn L đến trước cổng nhà máy L ở trong Khu công nghiệp Q để cùng nhau đến Công ty H thực hiện hành vi trộm cắp. Khoảng 01 giờ 15 phút cùng ngày, L điều khiển xe mô tô BKS 99L2 - 0749 đến điểm hẹn gặp B rồi cả hai cùng nhau đi đến Công ty H. Khi đến nơi, B và L dựng ở cạnh hàng rào sắt của Công ty, B đi đến vị trí có camera an ninh của Công ty H, dùng một chiếc kéo có sẵn trong cốp xe mô tô của mình cắt dây điện kết nối đèn chiếu sáng của camera nhằm mục đích che giấu hành vi phạm tội, còn L gọi điện thông báo cho H biết. Sau đó, cả hai trèo qua hàng rào sắt vào bên trong Công ty gặp H thì được H đưa đến vị trí để nhôm là khu vực hành lang tầng 1 của nhà xưởng sản xuất của Công ty. Tại đây, H đi ra ngoài cảnh giới, còn B và L cùng nhau khiêng lần lượt được tổng số 10 bó nhôm (trong đó có 09 bó có 10 cây, 01 bó có 08 cây, tổng 98 cây nhôm) ra ngoài theo lối vào cũ, đưa 10 bó nhôm qua hàng rào sắt bảo vệ ra ngoài công ty rồi đem đến cất giấu tại cánh đồng thuộc địa phận thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Khoảng 08 giờ cùng ngày, L gọi điện thoại cho P nói "em có ít nhôm, anh có lấy thì em để cho" thì P hỏi "Nhôm ở đâu", L trả lời "em lấy trong khu công nghiệp". Lúc này P biết rõ nguồn gốc số nhôm L đặt vấn đề bán là do trộm cắp trong khu Công nghiệp mà có nhưng do muốn mua rẻ số nhôm này so với giá thị trường nên P đồng ý mua. Khoảng 09 giờ cùng ngày, P điều khiển xe ba bánh gắn máy tự chế cùng L và B đến địa điểm cất giấu nhôm. Sau khi xem, P trả giá mỗi cây nhôm là 100.000 đồng, tổng 98 cây nhôm là 10.000.000 đồng (P khai mặc dù thiếu 02 cây nhôm nhưng vẫn trả cả số tiền 10.000.000 đồng), L và B đồng ý bán. Sau đó, B, L và P cùng nhau vận chuyển hết số nhôm trên lên xe ba bánh gắn máy tự chế của P rồi cùng nhau đi về nhà P thì được P ứng trước số tiền 1.000.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ sáng ngày 01/5/2020, P đã thanh toán hết cho L số tiền mua nhôm còn lại là 9.000.000 đồng. Tổng số tiền bán tài sản trộm cắp được 10.000.000 đồng, L đã đưa cho B để B phân chia cho mọi người. Số tiền này, B chia cho H và L 6.600.000 đồng, B giữ lại 3.400.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết.

*** Vụ thứ hai:**

Khoảng 20 giờ ngày 02/5/2020, H làm nhiệm vụ trực ca đêm tại Công ty H. Đến khoảng hơn 01 giờ ngày 03/5/2020, H gọi điện cho B đến Công ty H để trộm cắp tài sản. Nhận được điện thoại, B gọi điện bảo L đến cổng nhà máy L ở trong Khu công nghiệp Q đón cùng đi thực hiện hành vi trộm cắp. Sau khi gặp nhau, L điều khiển xe mô tô BKS 99L2- 0749 chở B đến Công ty H rồi cả hai trèo qua tường rào vào trong Công ty gặp H. Tại đây, H, B và L đi đến vị trí để nhôm ở khu vực hành lang tầng 2 của khu nhà xưởng, cùng nhau trộm cắp được 06 bó nhôm (mỗi bó 10 cây nhôm), đưa qua hàng rào sắt ra ngoài, giấu vào bụi cây ven đường ở gần đó. Lúc này, do không có xe để vận chuyển số nhôm vừa trộm cắp được nên B và L đi xe mô tô đến vườn nhà chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1975 ở cùng thôn lấy chiếc xe cải tiến (B và L khai biết gia đình chị Đ vẫn thường xuyên để xe ở đó) đem đến chuyển hết số nhôm trộm cắp được mang về cất giấu ở trần tầng 2 của gia đình H, rồi mang xe cải tiến để ở vị trí cũ. Khoảng 08 giờ cùng ngày 03/5/2020, H hẹn gặp B ở trạm bơm ở thôn Q, xã Q đưa cho B 2.000.000 đồng tiền công, còn số nhôm H giữ lại mục đích sử dụng vào việc sửa nhà.

Ngày 04/5/2020, anh Nguyễn Duy D, sinh năm: 1984, địa chỉ: xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình là đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH thương mại và xây lắp C đã có đơn trình báo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên.

Ngày 06/5/2020, Nguyễn Việt H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thế L và Nguyễn Hữu P đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đồng thời, Nguyễn Việt H tự nguyện giao nộp: 06 hộp nhôm, bọc ngoài bằng nilon, trong đó mỗi hộp có 10 cây nhôm, đều dạng chữ U, mỗi cây dài 06 mét và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galxy A3, màu vàng; Nguyễn Văn B tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A20S, 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS 98M6-2406; Nguyễn Thế L tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia màu đen, 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS 99L2- 0749; Nguyễn Hữu P tự nguyện giao nộp 10 hộp nhôm, bọc ngoài bằng nilon, trong đó có 09 hộp mỗi hộp có 10 cây nhôm; 01 hộp có 08 cây, đều dạng chữ U, mỗi cây dài 06 mét; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy J36 và 01 xe ba bánh gắn máy tự chế màu xanh. Ngày 09/5/2020, Cơ quan điều tra thu giữ tại nhà chị Nguyễn Thị Đ 01 xe cải tiến, hai bánh tự chế.

Ngày 07/5/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên đã tiến hành định giá và kết luận: 98 cây phụ kiện nhôm, dang chữ U, mỗi cây dài 6 mét trị giá: 17.640.000 đồng; 60 cây phụ kiện nhôm, dang chữ U, mỗi cây dài 6 mét trị giá: 10.800.000 đồng. Tổng trị giá 158 cây phụ kiện nhôm, dạng chữ U, mỗi cây dài 6 mét là 28.440.000 đồng.

Ngày 24/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Việt Yên đã trả lại cho anh Nguyễn Duy D - đại diện theo uỷ quyền của công ty TNHH thương mại và xây lắp C 158 cây phụ kiện nhôm, dạng chữ U và chị Nguyễn Thị Đ 01 xe

cải tiến hai bánh tự chế. Anh D và chị Đ đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì, đồng thời yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 109/CT-VKS ngày 02/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Việt H, Nguyễn Thế L và Nguyễn Văn B về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Hữu P về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt: Chị Nguyễn Ánh N và chị Nguyễn Thị T1 đề nghị trả lại tài sản thu giữ của bị cáo Nguyễn Thế L và Nguyễn Văn B vì đó là tài sản của vợ chồng.

Kiểm sát viên thực hành công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt H, Nguyễn Thế L và Nguyễn Văn B phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Nguyễn Hữu P phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có";

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt H từ 18 tháng tù đến 20 tháng tù.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế L từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ thu thập được nên có đủ cơ sở kết luận:

Trong các ngày 30/4/2020 và 03/5/2020, Nguyễn Việt H, sinh năm: 1964, Nguyễn Thế L, sinh năm: 1990 và Nguyễn Văn B, sinh năm: 1976, cùng trú tại: thôn Q, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt 158 cây nhôm có tổng trị giá 24.440.000 đồng. Trong đó: khoảng 02 giờ ngày 30/4/2020, tại hành lang tầng 1 của nhà xưởng sản xuất của công ty H – Khu công nghiệp Q, trộm cắp 98 cây nhôm, dạng chữ U, mỗi cây dài 6 mét, trị giá: 17.640.000 đồng. Số tài sản này, L và B bán cho Nguyễn Hữu P, sinh năm: 1982 ở cùng thôn được 10.000.000 đồng. Số tiền này, L và H mỗi người được chia 3.300.000 đồng, B được chia 3.400.000 đồng, các bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết; Khoảng 02 giờ ngày 03/5/2020, tại hành lang tầng 2 của nhà xưởng sản xuất của công ty H – Khu công nghiệp Q, trộm cắp 60 cây phụ kiện nhôm, dạng chữ U, mỗi cây dài 6 mét, trị giá: 10.800.000 đồng. Sau khi trộm cắp, H trả cho B số tiền 2.000.000 đồng và giữ lại số nhôm trộm cắp được mục đích sử dụng vào việc sửa nhà.

Nguyễn Hữu P, sinh năm:1982, trú tại: thôn Q, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang mặc dù biết rõ nguồn gốc 98 cây phụ kiện nhôm, dạng chữ U, mỗi cây dài 6 mét, trị giá: 17.640.000 đồng là do H, L và B trộm cắp mà có nhưng do hám lợi nên vẫn mua phục vụ mục đích cá nhân.

Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Việt H, Nguyễn Thế L, Nguyễn Văn B trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác; Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hữu P trực tiếp xâm hại trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Việt H, Nguyễn Thế L, Nguyễn Văn B có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", vi phạm vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hữu P có đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, vi phạm vào khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015, do vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

- Về vai trò: Các bị cáo Nguyễn Việt H, Nguyễn Thế L và Nguyễn Văn B cùng cố ý thực tiện tội phạm Trộm cắp tài sản, không có sự câu kết chặt chẽ nên là đồng phạm giản đơn.

Bị cáo Nguyễn Việt H có vai trò cao nhất vì bị cáo là người đề xướng trộm cắp tài sản, rủ rê Nguyễn Thế L và Nguyễn Văn B tham gia trộm cắp tài sản, trực

tiếp tham gia trộm cắp tài sản. Bị cáo Nguyễn Thế L và Nguyễn Văn B có vai trò tương đương nhau vì cùng tham gia trộm cắp tài sản, cùng chở tài sản đi tiêu thụ.

- Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Việt H và Nguyễn Văn B có nhân thân xấu vì năm 2012 bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc; Bị cáo Nguyễn Thế L và Nguyễn Hữu P có nhân thân tốt vì chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính lần nào.

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Việt H, Nguyễn Thế L và Nguyễn Văn B đều thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản của mỗi lần trộm cắp đều trên hai triệu đồng nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên", quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Hữu P không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; tự nguyện giao nộp lại tài sản đã chiếm đoạt và nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Hữu P được hưởng tình tiết giảm nhẹ "phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Việt H có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương nên cũng cần áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[4] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vào nhân thân của các bị cáo, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo và xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và hậu quả mà các bị cáo gây ra, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm xâm hại quyền sở hữu nói riêng.

Các bị cáo Nguyễn Việt H, Nguyễn Văn B cáo có nhân thân xấu; Bị cáo Nguyễn Việt H, Nguyễn Thế L, Nguyễn Văn B phạm tội hai lần nên không nên không đủ điều kiện hưởng án treo theo Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội để giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Bị cáo Nguyễn Hữu P phạm tội lần đầu ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi ở rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có đủ điều kiện hưởng án treo theo Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Các bị cáo phạm tội có động cơ thu lời bất chính, giá trị tài sản trộm cắp tương đối lớn, đều có tài sản để thi hành án nên cần áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[6] Về xử lý vật chứng: Các điện thoại di động thu giữ của các bị cáo liên quan đến phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

02 xe máy thu giữ của bị cáo Nguyễn Thế L và Nguyễn Văn B là tài sản chung của vợ chồng các bị cáo cần trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

01 chiếc xe ba bánh gắn máy tự chế thuộc diện cấm lưu thông cần tịch thu tiêu hủy.

Số tiền bị cáo Nguyễn Hữu P bỏ ra mua tài sản trộm cắp là phương tiện phạm tội, Nguyễn Việt H quản lý 3.300.000 đồng, Nguyễn Thế L 3.300.000 đồng, Nguyễn Văn B 3.400.000 đồng cần truy thu sung quỹ nhà nước.

Nguyễn Việt H trả cho Nguyễn Văn B 2.000.000 đồng là tiền do phạm tội mà có cần truy thu của B số tiền này.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về trách nhiệm hình sự:

1.1 Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt H 18 (mười tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 06/5/2020 đến ngày 12/5/2020.

Phạt bổ sung bị cáo 05 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

1.2 Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế L 14 (mười bốn) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 06/5/2020 đến ngày 12/5/2020.

Phạt bổ sung bị cáo 05 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

1.3 Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 14 (mười bốn) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 06/5/2020 đến ngày 12/5/2020.

Phạt bổ sung bị cáo 05 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

1.4 Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P 10 (mười) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", cho hưởng án treo, thời gian thủ thách là 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm: 25/9/2020.

Phạt bổ sung bị cáo 05 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu P cho UBND xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A3 màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J36.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn B 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển kiểm soát 98M6-2406, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thế L 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển kiểm soát 99L2-0749, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 xe ba bánh gắn máy tự chế màu xanh.

- Truy thu của Nguyễn Việt H 3.300.000 đồng, của Nguyễn Thế L 3.300.000 đồng, của Nguyễn Văn B 5.400.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Các bị cáo: Nguyễn Việt H, Nguyễn Thế L, Nguyễn Văn B, Nguyễn Hữu P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Các bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Công an huyện Việt Yên;
- Cơ quan CSĐT huyện Việt Yên;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Bị cáo; Bị hại; ĐS vắng mặt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Ngô Quang Dũng